

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY ĐỨC
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **01/2025/KDTM-ST**

Ngày 07 - 3 - 2025

*“V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY ĐỨC, TỈNH ĐẮK NÔNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Văn Nhu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Ngọc Khoa và ông Phạm Thiên Viêt.

Thư ký phiên tòa: Ông Điều Smi là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Trần Viêt Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2025 tại phòng xét xử, Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 05/2024/TLST- KDTM ngày 16 tháng 10 năm 2024, về việc *“Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 01/2025/QĐXXST- KDTM ngày 17 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2025/QĐST-KDTM ngày 17 tháng 02 năm 2025, giữa:

- *Nguyên đơn:* Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên N;

Địa chỉ: Thôn 3, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Tạ Thị Vũ V – Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hoài N – Chức vụ: Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV N – Có mặt.

- *Bị đơn:* Đại lý P - Chủ đại lý: Bà Phan Thùy L.

Địa chỉ: Thôn 6 (Bon B), xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Đình Q (chồng bà Phan Thùy L).

Địa chỉ: Thôn 6 (Bon B), xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Đình Q;

Địa chỉ: Thôn 6 (Bon B), xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Trong thời gian từ ngày 05/6/2022 đến ngày 25/8/2022, Công ty TNHH MTV N đã ký kết 03 hợp đồng mua bán hàng với Đại lý P, gồm các hợp đồng cụ thể như sau:

- Hợp đồng mua bán số: 01/HĐMB/NV-PN/2022 ngày 05/6/2022, theo đó, Công ty TNHH MTV N bán cho Đại lý P với số tiền 261.000.000đ, không tính lãi đến 15/12/2022; thời gian thanh toán chậm nhất đến ngày 15/12/2022. Nếu đến thời hạn thanh toán mà Đại lý P không thanh toán thì phải chịu lãi suất 1,5%/tháng/số tiền nợ quá hạn tính đến thời điểm thanh toán nhưng thời hạn thanh toán cuối cùng không muộn hơn ngày 31/12/2022,

- Hợp đồng mua bán số: 02/HĐMB/NV-PN/2022 ngày 18/6/2022, theo đó, Công ty TNHH MTV N bán hàng với Đại lý P với số tiền 258.000.000đ, không tính lãi đến 15/12/2022. Thời gian thanh toán chậm nhất đến ngày 15/12/2022. Nếu đến thời hạn thanh toán mà Đại lý P không thanh toán thì phải chịu lãi suất 1,5%/tháng/số tiền nợ quá hạn tính đến thời điểm thanh toán nhưng thời hạn thanh toán cuối cùng không muộn hơn ngày 31/12/2022.

- Hợp đồng mua bán số: 03/HĐMB/NV-PN/2022 ngày 25/8/2022, theo đó, Công ty TNHH MTV N bán hàng với Đại lý P với số tiền 169.000.000đ, không tính lãi đến 15/12/2024. Thời gian thanh toán chậm nhất đến ngày 15-12-2022. Nếu đến thời hạn thanh toán mà Đại lý P không thanh toán thì phải chịu lãi suất 1,5%/tháng/số tiền nợ quá hạn tính đến thời điểm thanh toán nhưng thời hạn thanh toán cuối cùng không muộn hơn ngày 31/12/2022.

Sau khi ký kết các hợp đồng mua bán, Công ty TNHH MTV N đã giao đầy đủ số lượng hàng hóa là các loại phân bón cho Đại lý P nhưng Đại lý P vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền hàng hóa theo thỏa thuận trong các hợp đồng cho Công ty TNHH MTV N.

Đến ngày 31/12/2022, Đại lý P trả lại 01 phần hàng là phân bón cho Công ty TNHH MTV N (theo Hợp đồng mua bán số: 03/HĐMB/NV-PN/2022 ngày 25/8/2022) tương ứng số tiền 67.600.000đ. Tổng số tiền gốc Đại lý P còn nợ Công ty TNHH MTV N là 620.400.000đ.

Nay Công ty TNHH MTV N yêu cầu Đại lý P (chủ đại lý là bà Phan Thùy L và ông Nguyễn Đình Q) phải trả số tiền hàng còn nợ là 620.400.000đ và trả tiền lãi theo thỏa thuận là 1,5%/tháng/số tiền nợ gốc tính từ ngày 01/01/2023 đến ngày đến ngày hôm nay (ngày 07/3/2025) là 02 năm 02 tháng 06 ngày với số tiền lãi là 247.229.000đ theo như thỏa thuận trong các hợp đồng mua bán đã ký kết. Tổng số tiền gốc và lãi suất Công ty yêu cầu bà Phan Thùy L, ông Nguyễn Đình Q (chủ đại

lý P) phải trả là 867.629.000đ.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Đại lý P (chủ đại lý là bà Phan Thùy L, ông Nguyễn Đình Q) có ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa là phân bón với Công ty TNHH MTV N như đại diện của Công ty đã trình bày. Hiện Đại lý P còn nợ Công ty N tổng số tiền hàng theo 03 hợp đồng mua bán là 620.400.000đ. Do việc kinh doanh gặp nhiều khó khăn và các khoản nợ chưa thu hồi được nên chưa trả được số tiền nợ trên. Nay Công ty TNHH MTV N yêu cầu trả số tiền gốc là 620.400.000đ và số tiền lãi 247.229.000đ, bị đơn đồng ý trả nhưng đề nghị nguyên đơn cho bị đơn trả làm nhiều lần vì bị đơn phải sang nhượng một số bất động sản mới có đủ tiền để trả nợ. Nếu Công ty TNHH MTV N không đồng ý thì đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Thống nhất với ý kiến trình bày của của bị đơn. Không có ý kiến hay yêu cầu gì thêm.

Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa các đương sự không thỏa thuận được với nhau về thời gian trả nợ số tiền gốc, tiền lãi. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông tại phiên tòa:

Về trình tự thủ tục tố tụng: Thẩm phán và thư ký chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, thiết lập hồ sơ và thu thập chứng cứ đúng trình tự. Hội đồng xét xử đúng thành phần, xét xử đúng nguyên tắc, người tham gia tố tụng chấp hành quy định của pháp luật. Các đương sự đều chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 24, Điều 50, Điều 55 và Điều 306 của Luật thương mại; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV N đối với Đại lý P. Buộc bà Phan Thùy L, ông Nguyễn Đình Q (là chủ đại lý P) phải trả cho Công ty TNHH MTV N tổng số tiền là 867.629.000đ (*Tám trăm sáu mươi bảy triệu sáu trăm hai mươi chín nghìn đồng*). Trong đó có 620.400.000đ (*Sáu trăm hai mươi triệu bốn trăm nghìn đồng*) tiền gốc và 247.229.000đ (*Hai trăm bốn mươi bảy triệu hai trăm hai mươi chín nghìn đồng*) tiền lãi.

Về án phí: Buộc bà Phan Thùy L, ông Nguyễn Đình Q phải chịu 38.029.000đ (*Ba mươi tám triệu không trăm hai mươi chín nghìn đồng*) tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày có ký kết hợp đồng mua bán phân bón với Đại lý P và Đại lý P còn nợ số tiền gốc là 620.400.000đ nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*” theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có trụ sở đăng ký kinh doanh tại: Thôn 6 (Bon B), xã Đ, huyện T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn Công ty TNHH MTV N đề nghị Tòa án buộc Đại lý Phúc N (chủ đại lý là bà Phan Thùy L và ông Nguyễn Đình Q) phải trả số tiền hàng hóa (tiền mua bán phân bón) còn nợ là 620.400.000đ gốc theo 03 hợp đồng mua bán đã ký kết. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn thừa nhận còn nợ nguyên đơn số tiền gốc nêu trên.

Xét yêu cầu tính lãi suất: Nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền chậm trả là 620.400.000đ tính từ ngày 01/01/2023 đến thời điểm xét xử là 02 năm 02 tháng 06 ngày, với số tiền lãi là 247.229.000đ. Hội đồng xét xử, xét thấy: Tại Điều 306 Luật thương mại quy định: “*Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác*”. Đối chiếu với trường hợp cụ thể, cho thấy: Khi thiết lập giao dịch, nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận trong các hợp đồng mua bán: “*Trong trường hợp đến kỳ thanh toán mà bên B (Đại lý P không thanh toán cho bên A (Công ty N) thì bên B sẽ phải chịu mức lãi suất 1,5%/tháng/số tiền còn nợ quá hạn tính đến thời điểm thanh toán nhưng thời hạn thanh toán cuối cùng không muộn hơn ngày 31/12/2022*”. Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của bị đơn cũng thừa nhận có thỏa thuận lãi suất và đồng ý trả mức lãi suất 1,5%/tháng trên tổng số tiền còn nợ. Xét thấy thỏa thuận này là phù hợp với quy định của pháp luật thương mại

và Bộ luật dân sự. Do vậy, việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền lãi 247.229.000đ, bị đơn đồng ý nên cần ghi nhận.

Quá trình giải quyết các đương sự đều thống nhất số nợ gốc là 620.400.000đ và lãi suất là 247.299.000đ. Tuy nhiên, về thời gian trả nợ các bên không thỏa thuận được với nhau, bị đơn đề nghị được trả số tiền gốc và lãi làm nhiều đợt nhưng nguyên đơn không đồng ý. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi của nguyên đơn, Hội đồng xét xử cần buộc bị đơn phải trả số tiền gốc và lãi cho nguyên đơn là phù hợp.

Từ những phân tích và đánh giá toàn bộ chứng cứ mà các đương sự cung cấp, Hội đồng xét xử xét thấy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV N. Buộc bà Phan Thùy L, ông Nguyễn Đình Q (là chủ đại lý P) phải trả cho Công ty N tổng số tiền là 867.629.000đ. Trong đó có 620.400.000đ tiền gốc và 247.229.000đ tiền lãi là có căn cứ.

[5] Đối với Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa không có căn cứ để thay đổi, hủy bỏ nên cần tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2025/QĐ-BPKCTT ngày 10/01/2025 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[8] Xét quan điểm và nội dung đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Căn cứ Điều 24, Điều 50, Điều 55 và Điều 306 của Luật thương mại.

- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV N đối với Đại lý P.

Buộc bà Phan Thùy L, ông Nguyễn Đình Q (là chủ Đại lý P) phải trả cho Công ty TNHH MTV N tổng số tiền là 867.629.000đ (*Tám trăm sáu mươi bảy triệu sáu trăm hai mươi chín nghìn đồng*). Trong đó có 620.400.000đ (*Sáu trăm hai mươi triệu bốn trăm nghìn đồng*) tiền gốc và 247.229.000đ (*Hai trăm bốn mươi bảy triệu hai trăm hai mươi chín nghìn đồng*) tiền lãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Buộc bà Phan Thùy L, ông Nguyễn Đình Q phải chịu 38.029.000đ (*Ba mươi tám triệu không trăm hai mươi chín nghìn đồng*) tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Trả lại Công ty TNHH MTV N số tiền 14.408.000đ (*Mười bốn triệu bốn trăm lẻ tám nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007995 ngày 16/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

3. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2025/QĐ-BPKCTT ngày 10/01/2025 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời: “Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ”.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Tuy Đức;
- Chi cục THADS huyện Tuy Đức;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

Nông Văn Nhu